Biểu số 3

Đơn vị: BỆNH VIỆN Y DƯỢC CỔ TRUYỀN TỈNH VĨNH LONG

Chương:423

# ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II.2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐVT: đồng

| STT | Nội dung | Dự toán năm | Ước thực hiện quý II năm 2022 | So sánh | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Cùng kỳ năm trước | Tăng (+) Giảm (-) |
| **I** | **Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí** | **21.000.000.000** | **4.633.313.790** | **4.823.753.760** | **(190.439.970)** |
| **1** | **Số thu viện phí** | **21.000.000.000** | **4.633.313.790** | **4.823.753.760** | **(190.439.970)** |
| 1.1 | Thu trực tiếp từ bệnh nhân | | 552.633.758 | 740.364.856 | (187.731.098) |
| 1.2 | Thu từ BHYT quyết toán | | 4.080.680.032 | 4.083.388.904 | (2.708.872) |
| **2** | **Chi từ nguồn thu viện phí** | | **2.241.489.022** | **2.644.977.623** | **(403.488.601)** |
| 2.1 | Chi sự nghiệp | | | | |
| a | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | | |
| b | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |
| 2.2 | Chi quản lý hành chính | | | | |
| a | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| b | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| **3** | **Số phí, lệ phí nộp NSNN** | | | | |
| 3.1 | Lệ phí | | | | |
| 3.2 | Phí | | | | |
| **II** | **Dự toán chi ngân sách nhà nước** | **5.854.619.000** | **1.752.082.615** | **1.680.263.900** | **71.818.715** |
| **1** | **Chi quản lý hành chính** | - | - | - | - |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| **2** | **Nghiên cứu khoa học** | - | - | - | - |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 2.1 | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ | - | | | |
| | *- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia* | | | | |
| | *- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ* | | | | |
| | *- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở* | | | | |
| 2.2 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng | | | | |
| 2.3 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |
| **3** | **Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề** | - | - | - | - |
| 3.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | | |
| 3.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |
| **4** | **Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình** | **5.854.619.000** | **1.752.082.615** | **1.680.263.900** | **71.818.715** |
| 4.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | 5.574.619.000 | 1.628.076.035 | 1.666.371.568 | (38.295.533) |
| 4.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | 280.000.000 | 124.006.580 | 13.892.332 | 110.114.248 |
| | Trong đó: | | | | - |
| | -Chương trình PHCN | 50.000.000 | 3.984.580 | 13.892.332 | (9.907.752) |
| | - BH cháy nổ | 50.000.000 | 17.814.000 | | 17.814.000 |
| | - Tiền ăn người nghèo | 30.000.000 | 4.000.000 | | 4.000.000 |
| | - Thuê phần mềm khám chữa bệnh | 150.000.000 | 98.208.000 | | 98.208.000 |
| **5** | **Chi bảo đảm xã hội** | - | - | - | - |
| 5.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | | - |
| 5.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |
| **6** | **Chi hoạt động kinh tế** | - | - | - | - |
| 6.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | | |
| 6.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |
| **7** | **Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường** | - | - | - | - |
| 7.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 7.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |
| **8** | **Chi sự nghiệp văn hóa thông tin** | - | | | |
| 8.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | | |
| 8.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |
| **9** | **Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn** | - | | | |
| 9.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | | |
| 9.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |
| **10** | **Chi sự nghiệp thể dục thể thao** | - | | | |
| 10.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | | |
| 10.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |
| **11** | **Chi Chương trình mục tiêu** | | | | |
| 11.1 | Chi Chương trình mục tiêu quốc gia | | | | |
| 11.2 | Chi Chương trình mục tiêu | | | | |
| **12** | **Chi kiến thiết thị chính** | | | | |
| 12.1 | Kinh phí công trình duy tu, sữa chữa từ 10% nguồn thu XSKT | | | | |

*Vĩnh Long, ngày 06 tháng 7 năm 2022*

**Thủ trưởng đơn vị**

SỞ Y TẾ TỈNH VĨNH LONG
BỆNH VIỆN Y DƯỢC CỔ TRUYỀN TỈNH VĨNH LONG

Huỳnh Văn Hải